

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

MỸ TRẦN HƯƠNG TRÀ

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHU VỰC NAM BỘ, VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Văn Đạt
PGS.TS. Lê Chi Lan

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở
đào tạo.

Họp tại:

Trường Đại học Sài Gòn

Vào lúc: ngày ... tháng ... năm 2026

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN LUẬN ÁN TIỀN SĨ

- My Trần Hương Trà. (2025). Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở trường đại học: một số vấn đề lý luận. *Tạp chí Giáo dục* (2025), 25(10), 47-52.
- My Trần Hương Trà. (2026). Hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. Tập 14, Số Đặc biệt 07S* (2025), 315-329.
- My Trần Hương Trà và Trần Văn Đạt. (2026). Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục* (2026), 26(4), 53-58.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Quản lý hoạt động đào tạo (HĐĐT) trình độ thạc sĩ ngành quản lý giáo dục (QLGD) là quá trình chủ thể quản lý thực hiện các chức năng quản lý tác động vào các hoạt động chủ đạo của HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD; có vai trò định hướng, tổ chức quá trình đào tạo theo mục tiêu xác định; giúp HĐĐT được triển khai chủ động, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn, được rút kinh nghiệm và thực hiện cải tiến liên tục. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD có vai trò quan trọng như vậy và càng có ý nghĩa trong bối cảnh Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị trong nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, xác định "nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025). Tuy quan trọng như vậy, nhưng thực tế quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD còn những hạn chế, bất cập. Những nghiên cứu gần đây về quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Trong bối cảnh ấy, nghiên cứu đề tài *Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam* là có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: HĐĐT trình độ thạc sĩ ở các trường đại học.

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Nếu khái quát hóa được lý luận về quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học theo hướng xác định đầy đủ, hệ thống

các hoạt động thành phần của HĐĐT; cách thực hiện các chức năng quản lý đối với các hoạt động thành phần ấy; và khảo sát, đánh giá được toàn diện, khách quan thực trạng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam, thì sẽ đề xuất được các biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam, có tính cấp thiết, khả thi cao.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD và đề xuất các biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. Khảo sát tính cấp thiết, khả thi của các biện pháp đề xuất; thực nghiệm một biện pháp trong các biện pháp đề xuất.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD của hiệu trưởng trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam.

6.2. Giới hạn về mẫu khảo sát: khảo sát ở 7/9 trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD tại khu vực Nam Bộ, Việt Nam.

7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Cách tiếp cận

a) *Tiếp cận hệ thống*: xem quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ở trường đại học là một hệ thống, gồm: HĐĐT trình độ thạc sĩ; quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ; các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ; kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ở trường đại học. b) *Tiếp cận hoạt động*: xem HĐĐT trình độ thạc sĩ ở trường đại học gồm nhiều hoạt động thành phần. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD là thực hiện quản lý các hoạt động thành phần ấy. c) *Tiếp cận chức năng quản lý*: vận dụng các chức năng quản lý vào quản lý các hoạt động thành phần của HĐĐT trình độ

thạc sĩ ngành QLGD. *d) Tiếp cận chuẩn*: đề xuất mục tiêu, chuẩn đầu ra trong đào tạo trình độ thạc sĩ QLGD tiếp cận với các chuẩn hiệu trưởng các cơ sở GDPT, các cơ sở giáo dục mầm non. *e) Tiếp cận thực tiễn*: đòi hỏi các biện pháp đề xuất gắn liền, phù hợp với thực tiễn, giải quyết được những vấn đề thực tiễn trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

a) *Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận*: phân tích, so sánh, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa. b) *Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn*: khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, thực nghiệm. c) *Phương pháp thống kê toán học*: sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistics phiên bản Grad Pack 29.0 BASE để mã hóa, nhập liệu, phân tích thống kê kết quả thu được.

8. Các luận điểm cần bảo vệ

a) HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là một hệ thống gồm 06 hoạt động thành phần: 1/ Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2/ Tuyển sinh; 3/ Hoạt động dạy học; 4/ Đánh giá kết quả học tập; 5/ Thực hiện luận văn/đề án (học phần tốt nghiệp); 6/ Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ. Hiệu trưởng trường đại học quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD là thực hiện các chức năng quản lý đối với 06 hoạt động cơ bản nêu trên.

b) Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học đang có những hạn chế, bất cập trong nhiều khâu như: chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức dạy, học; đánh giá kết quả học tập; thực hiện luận văn/đề án; ... Kết quả đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới của giáo dục và đào tạo.

c) Các biện pháp đề xuất phát huy được mặt mạnh, khắc phục được các hạn chế trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam; phù hợp thực tiễn, tiếp thu được kinh nghiệm quốc tế; có tính cấp thiết, khả thi cao và có thể

vận dụng trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học thuộc các khu vực khác có điều kiện tương đồng.

9. Đóng góp mới của luận án

a) *Về lý luận*: hệ thống, khái quát hóa được lý luận quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học. B) *Về thực tiễn*: đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam; đề xuất các biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam có tính cấp thiết, khả thi cao.

10. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm: phần mở đầu, 3 chương, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình đã công bố, tài liệu tham khảo và phụ lục (luận án có 36 bảng, 08 sơ đồ và 16 phụ lục).

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Hướng nghiên cứu về HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

Thường nghiên cứu theo hướng tiếp cận thành tố hoặc hướng tiếp cận hoạt động. Theo tiếp cận hoạt động, các tác giả đã đề xuất nhiều hoạt động thành phần trong HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, khác nhau về số lượng, tên gọi, cách sắp xếp và nội dung nghiên cứu các hoạt động thành phần.

1.1.2. Hướng nghiên cứu về quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

Các nghiên cứu về quản lý HĐĐT ở trường đại học cho thấy có nhiều cách tiếp cận, nhiều mô hình quản lý HĐĐT. Phần lớn các nghiên

cứu chỉ đề cập đến quản lý một vài hoạt động thành phần/khía cạnh của quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD; thiếu nghiên cứu toàn diện, hệ thống về quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

Hướng nghiên cứu tiếp theo của Luận án: nghiên cứu khái quát, hệ thống về HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD (xác định đầy đủ các phân hệ/hoạt động thành phần của HĐĐT); quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD theo hướng thực hiện tiếp cận chức năng quản lý, ở mỗi chức năng quản lý quan tâm, kết hợp thực hiện chức năng ấy cho các phân hệ/hoạt động thành phần của HĐĐT.

1.2. HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

1.2.1. Khái niệm HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là tổng hợp các hoạt động: 1/ Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2/ Tuyển sinh; 3/ Hoạt động dạy học; 4/ Đánh giá kết quả học tập; 5/ Thực hiện luận văn/đề án (học phần tốt nghiệp); 6/ Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ; mà nhà trường phải thực hiện để giúp người học có trình độ cao về lý luận quản lý và quản lý giáo dục; có kỹ năng thực hành tốt trong lĩnh vực quản lý giáo dục; có năng lực nghiên cứu khoa học nhất định.

1.2.2. Xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Tiếp cận chuẩn hiệu trưởng các cơ sở giáo dục, xây dựng mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể - Program Objectives, ký hiệu là POx) và chuẩn đầu ra (CĐR) cấp CTĐT (Programme Learning Outcomes) nếu ký hiệu là “PLOy” gồm 6 POx và 19 PLOy.

1.2.3. Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Trình bày các phương thức tuyển sinh và nội dung thực hiện công tác tuyển sinh.

1.2.4. Hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Hoạt động dạy học, gồm hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của học viên. Theo tiếp cận quá trình, có thể xem hoạt động giảng dạy của giảng viên gồm các giai đoạn: a) Chuẩn bị cho

giảng dạy; b) Thực hiện giảng dạy (giờ lên lớp); c) Các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy. Người học với vai trò trung tâm của hoạt động dạy học, là chủ thể của quá trình nhận thức, điểm mấu chốt trong hoạt động học của người học là phải chủ động, tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức, tương tác tốt với giảng viên nhằm đạt được các CDR của CTĐT.

1.2.5. Đánh giá kết quả học tập trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Đặc trưng của đánh giá kết quả học tập là: thu thông tin phản hồi, nhận định, phán đoán tình trạng, cải thiện hoạt động, nâng cao chất lượng dạy học. Đánh giá kết quả học tập học phần là tổng hợp của đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần với trọng số thích hợp cho mỗi phần.

1.2.6. Luận văn/đề án tốt nghiệp

Luận văn (LV) là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập của học viên dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với ngành QLGD. Đề án (ĐA) là một bản thuyết minh quá trình vận dụng kiến thức ngành QLGD để triển khai thực hiện quản lý một hoạt động giáo dục và kết quả thực hiện quản lý hoạt động ấy trong thực tiễn giáo dục, QLGD. Cơ sở đào tạo cần xác định rõ quy trình thực hiện LV/ĐA và biện pháp để đảm bảo chất lượng LV/ĐA.

1.2.7. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

CNTN và cấp bằng thạc sĩ là hoạt động không phức tạp nhưng cần thực hiện đúng quy trình, quy định.

1.3. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

1.3.1. Khái niệm quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là sự tác động có ý thức của lãnh đạo cơ sở đào tạo vào các hoạt động: 1/ Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2/ Tuyển sinh; 3/ Hoạt động dạy học; 4/ Đánh giá kết quả học tập; 5/ Thực hiện LV/ĐA; 6/ Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ, thông qua các chức năng lập kế hoạch, tổ chức,

lãnh đạo, kiểm tra công việc của các bộ phận trong cơ sở đào tạo và sử dụng các nguồn lực sẵn có để đạt được mục tiêu đào tạo đề ra.

1.3.2. Lập kế hoạch hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Nội dung cơ bản của kế hoạch bao gồm: xác định mục tiêu, nội dung, cách thức, trình tự thực hiện công việc. Lập kế hoạch HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học bao gồm lập kế hoạch thực hiện 06 hoạt động: 1/ Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2/ Tuyển sinh; 3/ Hoạt động dạy học; 4/ Đánh giá kết quả học tập; 5/ Thực hiện luận văn/đề án; 6/ Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ.

1.3.3. Tổ chức HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Thực hiện chức năng tổ chức trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là việc xây dựng, xác định cơ cấu, bộ máy; phân công nhiệm vụ; và mối quan hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu, bộ máy trong thực hiện 06 hoạt động thành phần của HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

1.3.4. Lãnh đạo HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Lãnh đạo HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là việc xác định tầm nhìn, định hướng, chiến lược; chỉ đạo, hướng dẫn, điều khiển; động viên, khích lệ, tạo động lực cho các bộ phận, thành viên trong trường nhiệt tình, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện 06 hoạt động thành phần của HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

1.3.5. Kiểm tra HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Nội dung cơ bản của chức năng kiểm tra trong quản lý là: i/ Xây dựng, xác định các căn cứ, tiêu chuẩn làm cơ sở cho kiểm tra; ii/ Thực hiện kiểm tra: so sánh kết quả thực hiện nhiệm vụ với căn cứ, tiêu chuẩn đã xác định; iii/ Điều chỉnh các sai lệch nếu có. Kiểm tra HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD là kiểm tra theo các nội dung nêu trên ở cả 06 hoạt động thành phần của HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HBĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học

1.4.1. Các yếu tố bên trong cơ sở đào tạo

Gồm: năng lực quản lý của CBQL phòng, khoa, bộ môn QLGD; hất lượng đội ngũ giảng viên bộ môn QLGD; động cơ học tập của học viên ngành QLGD; hoạt động kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học; cơ sở vật chất – kỹ thuật của cơ sở đào tạo; quy định về tài chính trong đào tạo sau đại học.

1.4.2. Các yếu tố bên ngoài cơ sở đào tạo

Gồm: xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục; sự lãnh đạo của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục đại học; nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao về QLGD.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC NAM BỘ, VIỆT NAM

2.1. Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.1.1. Nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành *QQLGD*

Đào tạo trình độ thạc sĩ QLGD cho đội ngũ CBQL giáo dục là quá trình phát triển nguồn nhân lực có trình độ lý luận, năng lực thực hành, khả năng nghiên cứu độc lập, năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn QLGD. Nhu cầu này càng trở nên rõ nét khi hệ thống giáo dục đang đòi hỏi đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

2.1.2. *Khái quát về đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở khu vực Nam Bộ*

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD đang được thực hiện ở 09 trường đại học ở khu vực Nam Bộ, Việt Nam; là một trong những

ngành đào tạo mũi nhọn trong đào tạo sau đại học của các trường này, được các trường chú trọng và phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL giáo dục.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Mục tiêu nghiên cứu: đánh giá toàn diện, chính xác thực trạng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

2.2.2. Nội dung nghiên cứu: thực trạng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.2.3. Thiết kế nghiên cứu; lựa chọn là thiết kế nghiên cứu hỗn hợp tuần tự giải thích ngành.

2.2.4. Phương pháp nghiên cứu và xử lý dữ liệu

a) Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: mẫu khảo sát được chọn là 7/9 trường, gồm 21 CBQL, 64 giảng viên (GgV), 473 học viên (HV) và cựu HV; xây dựng 2 bảng hỏi: một bảng hỏi cho CBQL, GgV và một bảng cho HV, cựu HV; sử dụng thang đo Likert 5 mức; thực hiện kiểm tra độ tin cậy của thang đo với các bảng hỏi; xử lý dữ liệu định lượng bằng SPSS (tính: hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, ĐTB, ĐLC, Normality Test, Levene's, ANOVA/T-tests). b) Phương pháp phỏng vấn: sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc; phỏng vấn 06 CBQL, GgV là những chuyên gia, 05 HV và cựu HV); xử lý, phân tích dữ liệu được thực hiện thủ công.

2.3. Thực trạng HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.3.1. Đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Trong 19 CĐR được khảo sát, có 07 nội dung được đánh giá tốt, 12 nội dung được đánh giá khá. Đánh giá chung, mức độ đạt CĐR của CTĐT ở mức "Khá" với ĐTB chung tổng hợp 4,17.

2.3.2. Thực trạng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Kết quả khảo sát cho thấy: cần tập trung chú trọng đa dạng hóa

phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển, phỏng vấn, kết hợp các phương thức) để phát huy hiệu quả công tác tuyển sinh. Công tác tuyển sinh được thực hiện ở mức "Khá" với ĐTB chung tổng hợp 4,15; ưu điểm quan trọng là thực hiện nghiêm túc, công khai, công bằng.

2.3.3. Thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Thực hiện phương thức kết hợp giữa dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp được GgV đánh giá không cao (ĐTB 3,95), cho thấy các trường đại học cần có sự quan tâm, cải thiện, đột phá trong kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp trước thách thức của bối cảnh chuyển đổi số. Các nội dung khảo sát trong hoạt động dạy của GgV, hoạt động học của HV đều được đánh giá ở mức độ "Khá"; cần có sự cải tiến hoạt động dạy học theo hướng chú trọng đổi mới PPDH; tăng cường sự chủ động tích cực của HV, ..., đáp ứng yêu cầu của kiểm định chất lượng về hoạt động dạy học.

2.3.4. Thực trạng đánh giá kết quả học tập trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Mức độ đạt được các nội dung trong đánh giá kết quả học tập được đánh giá là "Khá": ĐTB chung tổng hợp cho đánh giá quá trình là 4,09 và cho đánh giá cuối học phần là 4,11. Điều này cho thấy các bên liên quan (CBQL, GgV, HV) có nhận định khá tích cực về chất lượng và sự tuân thủ các quy định trong đánh giá kết quả học tập. Điểm cần chú ý là cần tập trung chuyển mạnh từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực và đáp ứng yêu cầu của kiểm định chất lượng về đánh giá kết quả học tập.

2.3.5. Thực trạng tổ chức thực hiện LV/ĐA tốt nghiệp trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Mức độ đạt được các nội dung trong tổ chức thực hiện LV/ĐA được đánh giá ở mức "Khá" trên hầu hết các tiêu chí và ở tất cả các giai đoạn. Cho thấy tổ chức thực hiện LV/ĐA được triển khai, thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy trình, tuân thủ các quy định. Khảo sát về các

vi phạm đạo đức trong NCKH (thực hiện LV/ĐA) cho thấy các vi phạm là có, tuy ít phổ biến. Tuy ít phổ biến nhưng đây là rất đáng lưu ý; các trường cần tập trung, chú trọng có biện pháp khắc chế các vi phạm; bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng NCKH và đạo đức trong NCKH cho HV để nâng cao chất lượng thực hiện LV/ĐA.

2.3.6. Thực trạng hoạt động xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ ngành QLGD

ĐTB tổng hợp các nội dung khảo sát là 4,10, xếp loại là "Khá". Đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy quy trình đang vận hành hiệu quả. Việc xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng kịp thời mang lại sự hài lòng cho HV, giúp họ sớm sử dụng bằng cấp cho các mục đích cá nhân, nghề nghiệp.

2.4. Thực trạng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Lập kế hoạch HĐĐT đều được đánh giá ở mức "Khá", với ĐTB tổng hợp từ 4,11 đến 4,16 (Bảng 2.15)

Bảng 2.15. Mức độ đạt được các nội dung trong lập kế hoạch HĐĐT

Kế hoạch HĐĐT	Mức độ đạt được (ĐTB)					
	CBQL	GgV-CV	Tổng hợp			
			ĐTB	ĐLC	TB	XL
Kế hoạch phát triển CTĐT	4,13	4,12	4,12	0,69	4	Khá
Kế hoạch tuyển sinh	4,09	4,17	4,15	0,56	2	Khá
Kế hoạch dạy học	4,05	4,13	4,11	0,61	5	Khá
Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của HV	4,17	4,09	4,11	0,58	5	Khá
Kế hoạch thực hiện LV/đề án	4,10	4,16	4,15	0,64	2	Khá
Kế hoạch xét CNTN và cấp bằng thạc sĩ	4,12	4,18	4,16	0,56	1	Khá

Có thể thấy có sự bài bản và chủ động trong hoạch định HĐĐT của các trường. Tuy nhiên không có nội dung nào được xếp loại "Tốt", chứng tỏ lập kế hoạch cần được cải tiến, cải thiện để đạt được mong đợi. Đặc biệt, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy: các trường cần tập trung,

chú trọng cải tiến kế hoạch, tăng cường tính kế hoạch trong HĐĐT theo hướng hoạch định chất lượng để tiếp cận quốc tế, đảm bảo sự phát triển bền vững.

2.4.2. Thực trạng tổ chức HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Tổ chức HĐĐT đều được đánh giá ở mức "Khá", với ĐTB tổng hợp từ 4,07 đến 4,16 (Bảng 2.16). Các nội dung tổ chức dạy học, tổ chức đánh giá kết quả học tập của HV được đánh giá cao hơn, cho thấy các quy định, phân nhiệm trong dạy học, đánh giá kết quả học tập là rõ ràng. Tuy nhiên tổ chức phát triển CTĐT và tổ chức tuyển sinh được đánh giá thấp nhất, cần có sự cải tiến, đổi mới. Đánh giá chung không đạt mức độ "Tốt" cho thấy có vấn đề về cơ cấu, xác định nhiệm vụ, quan hệ phối hợp giữa các bộ phận cần được nghiên cứu làm rõ. Kết quả phỏng vấn đáng chú ý: còn thiếu sự khoa học, hợp lý về xác định chức năng, nhiệm vụ của phòng - khoa – ngành – bộ môn; có sự chồng chéo trong chức năng quản lý của phòng đào tạo đại học và phòng đào tạo sau đại học; của khoa, ngành, bộ môn.

Bảng 2.16. Mức độ đạt được các nội dung trong tổ chức HĐĐT

Tổ chức HĐĐT	Mức độ đạt được (ĐTB)					
	CBQL	GgV-CV	Tổng hợp			
			ĐTB	ĐLC	TB	XL
Tổ chức phát triển CTĐT	4,13	4,06	4,07	0,65	6	Khá
Tổ chức tuyển sinh	4,08	4,09	4,09	0,64	5	Khá
Tổ chức dạy học	4,13	4,17	4,16	0,63	1	Khá
Tổ chức đánh giá kết quả học tập của HV	3,96	4,16	4,11	0,63	2	Khá
Tổ chức thực hiện LV/đề án	4,02	4,13	4,10	0,62	3	Khá
Tổ chức xét CNTN và cấp bằng thạc sĩ	4,03	4,12	4,10	0,63	3	Khá

2.4.3. Thực trạng lãnh đạo HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Nội dung "Lãnh đạo CNTN và cấp bằng thạc sĩ" được đánh giá ở mức "Tốt" (ĐTB tổng hợp 4,21), các nội dung còn lại đều được đánh giá ở mức "Khá" (Bảng 2.17),

Bảng 2.17. Mức độ đạt được các nội dung trong lãnh đạo HĐĐT

Lãnh đạo HĐĐT	Mức độ đạt được (ĐTB)					
	CBQL	GgV-CV	Tổng hợp			
			ĐTB	ĐLC	TB	XL
Lãnh đạo phát triển CTĐT	4,11	4,01	4,04	0,71	6	Khá
Lãnh đạo tuyển sinh	4,05	4,09	4,08	0,59	4	Khá
Lãnh đạo dạy học	4,17	4,10	4,12	0,67	3	Khá
Lãnh đạo đánh giá kết quả học tập của HV	4,05	4,05	4,05	0,58	5	Khá
Lãnh đạo thực hiện LV/đề án	4,14	4,15	4,15	0,62	2	Khá
Lãnh đạo xét CNTN và cấp bằng thạc sĩ	4,20	4,21	4,21	0,67	1	Khá

Lãnh đạo HĐĐT được các trường quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên, các khảo sát chi tiết thực hiện phỏng vấn sâu cho thấy: về chiến lược, cần đặc biệt chú trọng lãnh đạo hướng tới quản lý chất lượng, xây dựng và hình thành văn hóa chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng; về kỹ thuật: các khía cạnh chỉ đạo, hướng dẫn, điều khiển được thực hiện khá tốt nhưng yếu tố động viên, khích lệ, tạo động lực làm việc trong lãnh đạo cần được quan tâm hơn nữa.

2.4.4. Thực trạng kiểm tra HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Trong 06 nhóm nội dung khảo sát, nhóm "Kiểm tra xét CNTN và cấp bằng thạc sĩ" được đánh giá cao nhất (ĐTB tổng hợp 4,21), xếp loại "Tốt", các nhóm còn lại đều được đánh giá ở loại "Khá" (Bảng 2.18).

Bảng 2.18. Mức độ đạt được các nội dung trong kiểm tra HĐĐT

Kiểm tra HĐĐT	Mức độ đạt được (ĐTB)					
	CBQL	GgV-CV	Tổng hợp			
			ĐTB	ĐLC	TB	XL
Kiểm tra phát triển CTĐT	4,07	4,00	4,02	0,67	6	Khá
Kiểm tra tuyển sinh	4,16	4,12	4,13	0,66	2	Khá
Kiểm tra dạy học	4,10	4,07	4,07	0,69	5	Khá
Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV	4,17	4,08	4,10	0,69	3	Khá
Kiểm tra thực hiện LV/đề án	4,14	4,07	4,09	0,62	4	Khá
Kiểm tra xét CNTN và cấp bằng thạc sĩ	4,12	4,23	4,21	0,63	1	Khá

Khách thể khảo sát/phỏng vấn đánh giá cao kiểm tra thực hiện quy trình, quy định, sự tuân thủ pháp luật; nhưng kiểm tra các hoạt động mang tính chuyên môn sâu, cập nhật, kiểm tra giám sát sự vận hành của hệ thống ĐBCL, kiểm tra thực hiện tự đánh giá cấp CTĐT, ... chưa được đánh giá cao.

2.5. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.5.1. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong cơ sở đào tạo

Các yếu tố khảo sát đều được đánh giá ở mức "Khá ảnh hưởng" đến "Rất ảnh hưởng". Kết quả phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cho thấy, để nâng cao chất lượng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, các trường cần ưu tiên tập trung vào hai nhóm yếu tố: ưu tiên 1: phát triển nguồn lực con người (CBQL, giảng viên, học viên); ưu tiên 2: củng cố cơ chế và điều kiện hỗ trợ đào tạo.

2.5.2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài cơ sở đào tạo

Các yếu tố khảo sát đều được đánh giá ở mức "Khá ảnh hưởng" đến "Rất ảnh hưởng". Sự tác động của các yếu tố bên ngoài cho thấy quản lý HĐĐT là một quá trình phản ứng linh hoạt với môi trường bên ngoài, quản lý HĐĐT cần lưu ý các xu thế: *quản lý định hướng thị trường; quản lý thích ứng công nghệ; quản lý tuân thủ và hội nhập*.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng

HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD thể hiện qua các hoạt động thành phần hiện nay đều được đánh giá thực hiện ở mức độ khá; thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy chế, quy định; tuy nhiên còn thiếu đột phá, sáng tạo, ít tạo ra sự thay đổi tích cực. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD thông qua thực hiện các chức năng quản lý đối với các hoạt động thành phần của HĐĐT cho thấy ưu điểm nổi bật là đảm bảo thực hiện được nội dung cơ bản của các chức năng quản lý trong quản lý HĐĐT; nhưng tiếp cận quản lý đào tạo theo hướng quản lý chất lượng; theo các xu thế quản lý định hướng thị trường, quản lý thích ứng

công nghệ, quản lý tuân thủ và hội nhập còn mờ, chưa rõ nét. Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐĐT cho thấy để nâng cao chất lượng quản lý HĐĐT, các trường đại học cần ưu tiên tập trung vào hai nhóm yếu tố: phát triển nguồn lực con người (CBQL, GgV- CV, HV); củng cố cơ chế và điều kiện hỗ trợ đào tạo.

2.7. Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam trong quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam, cho thấy các xu hướng quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD hiện nay đều hướng tới quản lý chất lượng, chuẩn năng lực, tính minh bạch và phát triển bền vững.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC NAM BỘ, VIỆT NAM

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

Các nguyên tắc đề xuất biện pháp: đảm bảo tính mục tiêu; đảm bảo tính lý luận; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính toàn diện; đảm bảo tính khả thi.

3.2. Các nhóm biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và các nguyên tắc nói trên, Luận án đề xuất 17 biện pháp được sắp xếp trong bốn nhóm biện pháp (mỗi nhóm biện pháp gồm nhiều nội dung, mỗi nội dung cần thực hiện được xem là một biện pháp trong nhóm biện pháp ấy).

3.2.1. Nhóm biện pháp 1: Cải tiến kế hoạch, tăng cường tính kế hoạch trong HĐĐT theo hướng hoạch định chất lượng

3.2.1.1. Mục tiêu: a) Cải tiến, đổi mới nội dung trong HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD; b) Nâng cao tính kế hoạch trong HĐĐT

theo hướng đảm bảo chất lượng, tiếp cận xu thế quản trị đại học, hội nhập khu vực và quốc tế.

3.2.1.2. Ý nghĩa: đưa quản lý HĐĐT theo các xu hướng quản lý đào tạo tiên tiến: quản lý định hướng thị trường; quản lý thích ứng công nghệ; quản lý tuân thủ và hội nhập.

3.2.1.3. Nội dung: 1.1. Khảo sát nhu cầu xã hội (các bên liên quan) về đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD; 1.2. Hoàn thiện mục tiêu, CĐR của CTĐT; 1.3. Điều chỉnh cấu trúc và nội dung CTĐT; 1.4. Cải tiến hoạt động tuyển sinh và hoạt động dạy học; 1.5. Cải tiến hoạt động đánh giá kết quả học tập; 1.6. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghiên cứu khoa học cho HV trong thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp; 1.7. Có kế hoạch tự đánh giá nội bộ cấp CTĐT (theo chu kỳ).

3.2.1.4. Cách thực hiện: được trình bày chi tiết, cụ thể cho mỗi nội dung (biện pháp) nêu trên trong Luận án.

3.2.1.5. Điều kiện thực hiện: a) Cán bộ lãnh đạo, CBQL phải có nhận thức, tư duy đổi mới, tạo ra sự thay đổi tích cực để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; b) CBQL, giảng viên, chuyên viên cần phải nhận thức đúng, đầy đủ về tầm quan trọng của quản trị chất lượng, hệ thống đảm bảo chất lượng và sự vận hành của hệ thống để đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.2.2. Nhóm biện pháp 2: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát triển nguồn lực con người, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) ở từng khâu đào tạo

3.2.2.1. Mục tiêu: a) Cải thiện sự chồng chéo trong quản lý đào tạo; b) Nâng cao trình độ của CBQL, GgV, chuyên viên trong bối cảnh chuyển đổi số và định hướng quản trị chất lượng ở giáo dục đại học; c) Mọi thành viên của tổ chức đều thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA cho từng khâu đào tạo.

3.2.2.2. Ý nghĩa: a) Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của ngành đào tạo; b) Giúp đội ngũ thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và quản trị chất lượng giáo dục đại học; c) Quản lý HĐĐT được cải

tiến liên tục và hiệu quả; phát huy được vai trò của mọi thành viên trong tổ chức.

3.2.2.3. Nội dung: 2.1. Cải tiến cơ cấu "quản lý đào tạo theo trình độ" sang cơ cấu "quản lý theo ngành đào tạo"; 2.2. Phát triển nguồn lực con người (CBQL, giảng viên, chuyên viên): đào tạo, bồi dưỡng, tạo động lực, xây dựng môi trường làm việc; 2.3. Thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) cho từng khâu đào tạo.

3.2.2.4. Cách thực hiện: được trình bày chi tiết, cụ thể cho mỗi nội dung (biện pháp) nêu trên trong Luận án.

3.2.2.5. Điều kiện thực hiện: a) Đội ngũ có nhận thức, ý chí và quyết tâm thực hiện đổi mới; b) Chú trọng chế độ, chính sách, ... ưu tiên phát triển nguồn lực con người. c) Chú trọng xây dựng và hình thành văn hóa chất lượng.

3.2.3. Nhóm biện pháp 3: Lãnh đạo đẩy mạnh quản lý đào tạo theo hướng quản lý/quản trị chất lượng

3.2.3.1. Mục tiêu: lãnh đạo đẩy mạnh quản lý đào tạo theo hướng quản lý/quản trị chất lượng, xây dựng hệ thống quản trị chất lượng cấp CTĐT trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

3.2.3.2. Ý nghĩa: a) Tạo đột phá trong nâng cao chất lượng đào tạo; b) Tạo cơ sở để nhà trường quảng bá thương hiệu trong bối cảnh cạnh tranh; c) Là chìa khóa để thực hiện trách nhiệm giải trình xã hội, hội nhập quốc tế.

3.2.3.3. Nội dung: 3.1. Tập huấn cho CBQL, giảng viên, chuyên viên về quản lý/quản trị chất lượng giáo dục đại học; 3.2. Chỉ đạo xây dựng và hình thành văn hóa chất lượng; 3.3. Chỉ đạo thiết lập, hình thành hệ thống quản lý/quản trị chất lượng; 3.4. Thiết lập chính sách khen thưởng, khích lệ trong ĐBCL và cải tiến chất lượng.

3.2.3.4. Cách thực hiện: được trình bày chi tiết, cụ thể cho mỗi nội dung (biện pháp) nêu trên trong Luận án.

3.2.3.5. Điều kiện thực hiện: a) Cán bộ lãnh đạo, CBQL cần phải quán triệt quan điểm: tất cả các cá nhân trong tổ chức đều có nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia quá trình quản trị chất lượng; được chuẩn bị chuyên nghiệp (kiến thức, phương pháp, kỹ năng) cho hoạt động quản trị chất lượng giáo dục; b) Trường đại học phải có một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin mạnh và đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị nói chung, quản trị chất lượng giáo dục.

3.2.4. Nhóm biện pháp 4: Tăng cường kiểm tra, giám sát HĐĐT theo hướng đảm bảo chất lượng

3.2.4.1. Mục tiêu: a) Kiểm tra, giám sát chất lượng thực hiện các khâu trong HĐĐT; điều chỉnh, cải tiến để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo; b) Giúp ngành đào tạo vượt qua các kỳ kiểm định (như kiểm định quốc gia hay AUN-QA).

3.2.4.2. Ý nghĩa: a) Giúp HĐĐT không chệch hướng, tăng cường văn hóa chất lượng, ngày càng nâng cao chất lượng đầu ra, duy trì sự tin cậy của xã hội; b) Chuyển đổi thói quen của từng người, làm công việc cũ theo cách mới (vận hành theo chu trình PDCA); c) Đảm bảo luôn trong trạng thái sẵn sàng để đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức kiểm định chất lượng quốc gia và quốc tế (như AUN-QA).

3.2.4.3. Nội dung: 4.1. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng, vận hành hệ thống ĐBCL bên trong; 4.2. Kiểm soát hoạt động tự đánh giá, đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; 4.3. Kiểm soát quản lý, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA.

3.2.4.4. Cách thực hiện: được trình bày chi tiết, cụ thể cho mỗi nội dung (biện pháp) nêu trên trong Luận án.

3.2.4.5. Điều kiện thực hiện: a) Người kiểm tra am hiểu HĐĐT, hiểu rõ về quản lý/quản trị chất lượng, hiểu rõ về quản lý, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA; b) Cá nhân, thành viên trong tổ chức phải nhận thức rõ: chất lượng là một hành trình không phải là điểm kết thúc; mọi người đều tham gia vào quản lý và tự quản lý (chứ không

phải chỉ CBQL mới thực hiện quản lý); quản lý chất lượng ở mọi khâu/mọi công đoạn của quá trình đào tạo, ở mỗi khâu/mỗi công đoạn mọi người đều tham gia vào quản lý, cam kết trách nhiệm, tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về chất lượng, thực hiện quản lý theo quy trình PDCA và liên tục cải tiến.

3.3. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp đề xuất

Hệ thống các nhóm biện pháp được xây dựng theo tiếp cận chức năng quản lý và định hướng quản lý chất lượng. Quản lý HĐĐT bắt đầu từ "Cải tiến kế hoạch, tăng cường tính kế hoạch trong HĐĐT theo hướng hoạch định chất lượng" (nhóm biện pháp 1); đồng thời với xây dựng, cải tiến kế hoạch, "Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát triển nguồn lực con người, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA cho từng khâu đào tạo" (nhóm biện pháp 2) là cách triển khai, vận hành hệ thống kế hoạch đào tạo được thực hiện theo tiếp cận quản lý chất lượng. Để điều khiển, dẫn dắt các hoạt động trên nhà trường cần tập trung "Lãnh đạo đẩy mạnh quản lý đào tạo theo hướng quản lý/QTCL" (nhóm biện pháp 3). Để đảm bảo cho các hoạt động được thực thi đúng quy định và luôn được cải tiến, cần "Tăng cường kiểm tra, giám sát HĐĐT theo hướng đảm bảo chất lượng" (nhóm biện pháp 4), trong đó tập trung vào các nhiệm vụ: kiểm tra, giám sát việc xây dựng, vận hành hệ thống ĐBCL bên trong; kiểm soát hoạt động tự đánh giá; giám sát thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA.

3.4. Khảo sát ý kiến về tính cấp thiết, khả thi của các biện pháp đề xuất

3.4.1. Mục đích, nội dung, phương pháp khảo sát

Mục đích khảo sát: nhằm thu thập thông tin đánh giá tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp/ nhóm biện pháp đề xuất. *Nội dung khảo sát:* (1) Tính cấp thiết của các biện pháp/nhóm biện pháp đề xuất. (2) Tính khả thi của các biện pháp/nhóm biện pháp đề xuất. *Phương pháp khảo sát:* sử dụng phương pháp chuyên gia để khảo sát tính cấp thiết, khả thi của các biện pháp đề xuất.

3.4.2. Kết quả khảo sát ý kiến về tính cấp thiết của các biện pháp được đề xuất

Hệ thống các nhóm biện pháp, biện pháp đều được đánh giá ở mức "Rất cấp thiết" (RCT) với ĐTB chung tổng hợp là 4,57 (Bảng 3.7)

Bảng 3.7. Kết quả khảo sát mức độ cấp thiết của các biện pháp

Nhóm biện pháp	Theo vị trí công tác		Theo học hàm, học vị		Tổng hợp			
	CBQL	GgV	PGS.TS	TS	ĐTB	ĐLC	TB	XL
Nhóm BP1	4,57	4,62	4,64	4,58	4,60	0,53	1	RCT
Nhóm BP2	4,52	4,52	4,55	4,51	4,52	0,53	3	RCT
Nhóm BP3	4,54	4,61	4,59	4,58	4,58	0,53	2	RCT
Nhóm BP4	4,50	4,52	4,67	4,43	4,51	0,58	4	RCT
Chung	4,54	4,58	4,62	4,54	4,57	0,54		RCT

Nhóm biện pháp 1 "Cải tiến kế hoạch, tăng cường tính kế hoạch trong HHĐT theo hướng hoạch định chất lượng" được đánh giá cấp thiết nhất, cho thấy những biện pháp trong nhóm biện pháp 1 rất cần ưu tiên thực hiện.

3.4.3. Kết quả khảo sát ý kiến về tính khả thi của các biện pháp được đề xuất

Hệ thống các nhóm biện pháp, biện pháp không được đánh giá cao như tính cấp thiết, nhưng vẫn được đánh giá ở mức "Rất khả thi" (RKT) với ĐTB chung tổng hợp là 4,46 (Bảng 3.8)

Bảng 3.8. Kết quả khảo sát mức độ khả thi của các biện pháp

Nhóm biện pháp	Theo vị trí công tác		Theo học hàm, học vị		Tổng hợp			
	CBQL	GgV	PGS.TS	TS	ĐTB	ĐLC	TB	XL
Nhóm BP1	4,48	4,55	4,57	4,50	4,52	0,58	1	RKT
Nhóm BP2	4,40	4,43	4,52	4,36	4,42	0,56	2	RKT
Nhóm BP3	4,38	4,42	4,41	4,40	4,40	0,63	3	RKT
Nhóm BP4	4,33	4,44	4,45	4,37	4,40	0,57	3	RKT
Chung	4,42	4,48	4,50	4,43	4,46	0,59		RKT

Kết quả ghi nhận ở Bảng 2.8 chứng tỏ các biện pháp đề xuất có thể triển khai, thực hiện thành công.

3.5. Thực nghiệm biện pháp

3.5.1. Mô tả thực nghiệm

a) Mục đích thực nghiệm: góp phần khẳng định tính khả thi, hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất.

b) Nội dung thực nghiệm: thực nghiệm biện pháp 1.6 "Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghiên cứu khoa học (NCKH) cho HV trong thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp".

c) Giả thuyết thực nghiệm: nếu nhà trường tổ chức "Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghiên cứu khoa học cho HV trong thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp" thì HV sẽ có kỹ năng tốt hơn, thành thạo, tự tin hơn trong thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp.

d) Mẫu thực nghiệm: chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling), là HV Khóa 22 của Trường Đại học Sài Gòn.

e) Công tác chuẩn bị thực nghiệm: xây dựng nội dung tập huấn (hệ thống kỹ năng NCKH QLGD); xây dựng công cụ sử dụng trong thực nghiệm (Bảng hỏi tự đánh giá về kỹ năng nghiên cứu trong thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp của học viên ngành QLGD); chuẩn bị địa bàn thực nghiệm; lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn;

g) Tiến hành thực nghiệm: khảo sát trước thực nghiệm; tổ chức các buổi tập huấn theo kế hoạch; khảo sát sau thực nghiệm.

h) Phương pháp xử lý dữ liệu và đánh giá kết quả thực nghiệm: sử dụng phần mềm SPSS để tính giá trị trung bình và kiểm định T-test để phân tích kết quả thực nghiệm.

3.5.2. Kết quả thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm cho thấy A' (ĐTB tự đánh giá kỹ năng NCKH sau tác động) = 2,91 > A (ĐTB tự đánh giá kỹ năng NCKH trước tác động) = 2,33; Sig. (p) của tất cả các cặp đều < 0.05, giả thuyết thực nghiệm đúng.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là tổng hợp các hoạt động: 1/ Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2/ Tuyển sinh; 3/ Hoạt động dạy học; 4/ Đánh giá kết quả học tập; 5/ Thực hiện luận văn/đề án (học phần tốt nghiệp); 6/ Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ; mà nhà trường phải thực hiện để giúp người học có trình độ cao về lý luận quản lý và quản lý giáo dục; có kỹ năng thực hành tốt trong lĩnh vực quản lý giáo dục; có năng lực nghiên cứu khoa học nhất định. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học là sự tác động có chủ đích của lãnh đạo nhà trường đến các hoạt động thành phần nêu trên của HĐĐT thông qua thực hiện các chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra) của các bộ phận trong trường và sử dụng các nguồn lực sẵn có để đạt được mục tiêu đào tạo đề ra. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học, đáng chú ý là các yếu tố về chất lượng đội ngũ giảng viên bộ môn QLGD; động cơ học tập của học viên ngành QLGD; nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao về QLGD; và bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục.

1.2. HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD thể hiện qua các hoạt động thành phần đều được đánh giá thực hiện ở mức độ khá; thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy chế, quy định; tuy nhiên còn thiếu đột phá, sáng tạo, ít tạo ra sự thay đổi tích cực. Quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD thông qua thực hiện các chức năng quản lý đối với các hoạt động thành phần của HĐĐT cho thấy ưu điểm nổi bật là đảm bảo thực hiện được nội dung cơ bản của các chức năng quản lý trong quản lý HĐĐT; nhưng tiếp cận quản lý đào tạo theo hướng QTCL; theo các xu thế quản lý định hướng thị trường, quản lý thích ứng công nghệ, quản lý tuân thủ và hội nhập còn mờ, chưa rõ nét. Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐĐT cho thấy để nâng cao chất

lượng quản lý HĐĐT, các trường đại học cần ưu tiên tập trung vào hai nhóm yếu tố: phát triển nguồn lực con người; củng cố cơ chế và điều kiện hỗ trợ đào tạo.

1.3. Luận án đề xuất 04 nhóm biện pháp quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học Khu vực Nam Bộ, Việt Nam, gồm: 1/ Nhóm biện pháp 1: Cải tiến kế hoạch, tăng cường tính kế hoạch trong HĐĐT theo hướng hoạch định chất lượng. 2/ Nhóm biện pháp 2: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát triển nguồn lực con người, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) cho từng khâu đào tạo. 3/ Nhóm biện pháp 3: Lãnh đạo đẩy mạnh quản lý đào tạo theo hướng quản lý/QTCL. 4/ Nhóm biện pháp 4: Tăng cường kiểm tra, giám sát HĐĐT theo hướng đảm bảo chất lượng.

Mỗi nhóm biện pháp đều có mục tiêu, ý nghĩa, nội dung, cách thực hiện và điều kiện thực hiện riêng. Các nhóm biện pháp có quan hệ logic, biện chứng theo tiếp cận chức năng quản lý và định hướng quản lý chất lượng, tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh; có tính cấp thiết, khả thi cao và có thể vận dụng trong các trường đại học để nâng cao hiệu quả quản lý HĐĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức chỉ đạo xây dựng Bộ chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ ngành QLGD; Hướng dẫn các trường đại học thực hiện đa dạng hóa phương thức tuyển sinh; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về luận văn thạc sĩ ngành QLGD và yêu cầu các trường sử dụng phần mềm kiểm tra trùng lặp để loại bỏ tình trạng "sao chép", hạn chế tiêu cực trong thực hiện LV/ĐA; tăng cường chỉ đạo và khuyến khích hợp tác quốc tế; chỉ đạo, tạo cơ chế khuyến khích các chương trình liên kết, trao đổi học viên với các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Đối với các trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Cải tiến hoạt động tuyển sinh và hoạt động dạy học; cải tiến cơ cấu "quản lý đào tạo theo trình độ" sang cơ cấu "quản lý theo ngành đào tạo"; chú trọng phát triển nguồn lực con người; chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) cho từng khâu đào tạo; tập huấn cho đội ngũ về về quản lý/quản trị chất lượng; chỉ đạo thiết lập, hình thành hệ thống quản lý/ quản trị chất lượng; thiết lập chính sách khen thưởng, khích lệ trong ĐBCL và cải tiến chất lượng.

2.3. Đối với phòng Quản lý đào tạo sau đại học của các trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Kiểm tra, giám sát việc xây dựng, vận hành hệ thống ĐBCL bên trong của ngành đào tạo; kiểm soát hoạt động tự đánh giá, đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của ngành đào tạo; kiểm soát quản lý, thực hiện nhiệm vụ theo chu trình PDCA;

2.4. Đối với ngành Quản lý giáo dục của các trường đại học ở khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Chú trọng thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội (các bên liên quan) về đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD; tổ chức hoàn thiện mục tiêu, CDR của CTĐT; thực hiện cập nhật, điều chỉnh cấu trúc và nội dung CTĐT và nâng cao chất lượng đề cương chi tiết học phần; bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng NCKH cho HV trong thực hiện LV/ĐA; cải tiến hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV theo hướng: tăng cường chuyển đổi từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực; cải tiến hoạt động thực hiện LV/ĐA; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự đánh giá nội bộ cấp CTĐT; xây dựng và hình thành văn hóa chất lượng.